

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH
Nâng cao năng suất và chất lượng
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 và Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch Nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đưa năng suất, chất lượng trở thành động lực phát triển quan trọng trong các ngành, lĩnh vực, thông qua việc ứng dụng các thành tựu mới của khoa học, công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất tiên tiến, kết hợp với nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phù hợp xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Yêu cầu

Các nhiệm vụ triển khai Kế hoạch phải đảm bảo tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, thu hút sự tham gia của các cấp, các ngành, cơ quan truyền thông, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện các mục tiêu, giải pháp của Kế hoạch theo đúng Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 và Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức, tăng cường kiến thức về năng suất, chất lượng trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).

Triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng trên cơ sở áp dụng giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh.

Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng và sản phẩm OCOP.

2. Mục tiêu cụ thể

Góp phần đạt mục tiêu tăng năng suất lao động của tỉnh bình quân khoảng 12,5%/năm.

Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đến năm 2025 đạt khoảng 30-35% vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Đào tạo được ít nhất 10 chuyên gia năng suất, chất lượng là cán bộ của các sở, ngành, doanh nghiệp. Trên 500 lượt người của các Sở, ngành, doanh nghiệp, trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đào tạo chuyên sâu các kiến thức về năng suất, chất lượng nhằm tạo nguồn nhân lực hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Hình thành ít nhất 01 câu lạc bộ cải tiến năng suất, chất lượng tại các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần gắn kết hoạt động nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, thực hành về năng suất với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động.

Xây dựng và triển khai ít nhất 04 mô hình điềm về: áp dụng hệ thống, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng (ISO 9001, ISO 14001, ISO 50001, ISO 45001, HACCP, ISO 22000, 5S-Kaizen, KPIs, TPM, Lean, work layout ...). Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; áp dụng công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh và đổi mới sáng tạo nâng cao năng suất tại doanh nghiệp; triển khai các giải pháp nâng cao năng suất, năng suất xanh, hướng tới mục tiêu kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

Áp dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến (5S-Kaizen, ISO 9001, ISO 15189, ISO/IEC 17025, Lean...) tại ít nhất 04 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Phân đấu đến hết năm 2025 có trên 70% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh áp dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến. Qua đó góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của công tác khám chữa bệnh.

Áp dụng điềm công cụ 5S tại 32 cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, góp phần rèn luyện tinh thần trách nhiệm và tính kỷ luật cho học sinh, sinh viên góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giáo dục đào tạo.

Hướng dẫn, hỗ trợ ít nhất 20 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật; ít nhất 04 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia.

Hỗ trợ hình thành ít nhất 01 tổ chức đánh giá sự phù hợp; tăng cường năng lực kiểm định, thử nghiệm, phân tích, các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho các đơn vị kiểm định, kiểm nghiệm trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất chất lượng; thúc đẩy năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn, truy xuất nguồn gốc.

b) Gắn kết chặt chẽ nội dung về năng suất, chất lượng với các chương trình, đề án, kế hoạch, nhiệm vụ khoa học và công nghệ như: Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia; Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia; Kế hoạch triển khai “Đề án áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025”; Kế hoạch xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 vào hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Đề án “Nâng cao năng lực Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025”, Đề án phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đến năm 2030...

2. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quản lý chất lượng của doanh nghiệp

a) Khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đề xuất giải pháp khuyến khích thúc đẩy các hoạt động khoa học công nghệ nâng cao năng suất giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030: Đánh giá thực trạng và dự báo năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP), đánh giá vai trò của khoa học và công nghệ với tăng trưởng TFP tỉnh Bắc Giang.

b) Lựa chọn các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng mới, tiên tiến để áp dụng cho các doanh nghiệp; tập trung vào các giải pháp dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Thông tin, tuyên truyền về năng suất, chất lượng

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh về các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, năng suất xanh vào doanh nghiệp.

b) Tổ chức, triển khai các hình thức thông tin truyền thông để phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất, chất lượng.

c) Tham quan học tập kinh nghiệm các địa phương triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

d) Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng.

4. Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng

a) Phổ biến và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.

b) Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn hóa, năng suất, chất lượng; mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, sở hữu trí tuệ và ứng dụng, chuyên giao, đổi mới công nghệ cho cán bộ của các sở, ngành, doanh nghiệp, tổ chức.

c) Tổ chức đào tạo nhân lực quản lý về năng suất, chất lượng, xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, các giải pháp ứng dụng (sản xuất thông minh, chuyển đổi số...) cải tiến hiệu quả quản lý, kỹ năng đổi mới sáng tạo, cải thiện các yếu tố nội tại cho các Sở, ngành, doanh nghiệp; các khóa đào tạo cán bộ làm công tác quản lý chất lượng của doanh nghiệp.

d) Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng cho chuyên gia, giảng viên năng suất, chất lượng như: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tư vấn, kỹ năng tổ chức làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giảng bài...

đ) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các cơ quan có liên quan hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo trong khuôn khổ các Chương trình đào tạo hàng năm của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, quốc gia.

5. Hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng

a) Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống, công cụ quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa... theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

c) Tập trung nguồn lực xây dựng các dự án điểm về cải tiến năng suất, chất lượng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh để làm tiền đề nhân rộng; xây dựng các mô hình điểm về cải tiến năng suất, chất lượng thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nâng cao năng suất.

6. Nâng cao năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm OCOP của tỉnh.

b) Tăng cường năng lực đánh giá sự phù hợp cho các tổ chức để hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ưu tiên đối với hàng hóa chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm OCOP của tỉnh đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

c) Tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm cho các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh.

7. Hỗ trợ đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, tạo đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng

a) Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, giải pháp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng.

b) Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ; nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm mới có thể tạo đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại địa phương.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm, chuyển giao công nghệ, mô hình mới tạo đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, hàng hóa.

8. Tăng cường các hoạt động hợp tác

a) Tăng cường hợp tác với các tổ chức năng suất trong và ngoài nước để tiếp thu và cập nhật các phương pháp mới, kinh nghiệm, kỹ thuật gia tăng năng suất chất lượng.

b) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các dự án hợp tác nghiên cứu về giải pháp nâng cao năng suất chất lượng, các chương trình đào tạo, tư vấn, quảng bá và phát triển chuyên gia năng suất chất lượng với các tổ chức quốc tế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh hàng năm, vốn các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng kinh phí thực hiện: 14.767.550.000 đồng (*Mười bốn tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó:

- Nguồn từ ngân sách nhà nước: 11.855.550.000 đồng (*Mười một tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*)

- Nguồn của doanh nghiệp: 2.912.000.000 đồng (*Hai tỷ chín trăm mười hai triệu đồng*).

3. Kinh phí cụ thể các năm

- Năm 2022: 3.903.850.000 đồng (*Ba tỷ chín trăm linh ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*)

+ Nguồn ngân sách nhà nước: 3.509.850.000 đồng

+ Nguồn doanh nghiệp: 394.000.000 đồng

- Năm 2023: 3.881.000.000 (*Ba tỷ tám trăm tám mươi một triệu đồng*)

+ Nguồn ngân sách nhà nước: 3.133.000.000 đồng

+ Nguồn doanh nghiệp: 748.000.000 đồng

- Năm 2024: 3.926.000 (*Ba tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu đồng*)

+ Nguồn ngân sách nhà nước: 3.021.000.000 đồng

+ Nguồn doanh nghiệp: 905.000.000 đồng

- Năm 2025: 3.056.700.000 (*Ba tỷ không trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*)

+ Nguồn ngân sách nhà nước: 2.191.700.000 đồng

+ Nguồn doanh nghiệp: 865.000.000 đồng

(Dự toán chi tiết tại phụ lục kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý và triển khai Kế hoạch; có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh, các Sở, ngành chức năng có liên quan và UBND các huyện, thành phố thông tin tuyên truyền và vận động doanh nghiệp tham gia Kế hoạch.

Lựa chọn đơn vị tư vấn đáp ứng yêu cầu của Kế hoạch và theo quy định của pháp luật về đấu thầu; ký kết hợp đồng đào tạo; theo dõi, giám sát quá trình tổ chức đào tạo; thực hiện các thủ tục thanh quyết toán kinh phí sau khi hoàn thành.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen khi tổng kết giai đoạn.

Năm 2025, tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện giai đoạn 2021-2025; đề xuất xây dựng kế hoạch cho những năm tiếp theo. Định kỳ, trước ngày 30 tháng 11 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tham mưu

UBND tỉnh báo cáo gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác lựa chọn 02 trường trung học phổ thông để triển khai áp dụng công cụ 5S.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, thành phố, lựa chọn 30 mô hình điểm áp dụng công cụ 5S.

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác tuyên truyền, phổ biến, đánh giá và nhân rộng các mô hình áp dụng công cụ 5S đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác, lựa chọn, triển khai và đánh giá 04 mô hình điểm áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các mô hình áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh. Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tại 08 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính: Chủ trì thẩm định dự toán, tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch trong giai đoạn 2021-2025.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thu hút đầu tư các ngành, sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao; ưu tiên phát triển các ngành, sản phẩm đảm bảo môi trường, qua đó thực hiện chuyển dịch mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác đánh giá hiện trạng năng suất và đánh giá năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của tỉnh.

6. Ban Quản lý các khu công nghiệp, Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác tuyên truyền, khảo sát, lựa chọn các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp tham gia mô hình điểm áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến.

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan nhân rộng các mô hình áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến cho các doanh nghiệp thuộc trách nhiệm quản lý.

7. Liên minh hợp tác xã, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Phối hợp triển khai thực hiện nội dung nâng cao năng suất, chất lượng trong các hợp tác xã, làng nghề, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ các lĩnh vực liên quan đến nội dung Kế hoạch.

Cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và giải quyết.

8. Các sở, ngành

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung của Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để tham gia thực hiện.

9. UBND các huyện, thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung của Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để tham gia thực hiện.

Hướng dẫn và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tham gia Kế hoạch, gắn kết các hoạt động kinh tế xã hội của địa phương với phong trào năng suất, chất lượng của tỉnh.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác, lựa chọn, triển khai và đánh giá các mô hình điểm áp dụng công cụ 5S tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý, mỗi huyện lựa chọn 03 trường (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở).

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Hằng năm, thực hiện báo cáo định kỳ trước ngày 20 tháng 11 hoặc đột xuất theo yêu cầu về hoạt động nâng cao năng suất chất lượng gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có vướng mắc, phản ánh gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Tổng cục TCĐLCL;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Bắc Giang, Đài PTTH tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KT, KTN;
- Lưu: VT, KGVX.Trang.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

TT	Nội dung	Kinh phí			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Tổng cộng	NSNN	DN	NSNN	DN	NSNN	DN	NSNN	DN	NSNN	DN		
5	Sổ tay về năng suất chất lượng	41,25	41,25		41,25									
6	Tham quan, học tập kinh nghiệm (03 cuộc x 50 triệu/cuộc)	150	150	0	100	0	50							
7	Tổ chức 01 hội nghị sơ kết giai đoạn 2021-2025	62,7	62,7								62,7			
III. Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng		2.230	2.230		566		832		832		0		Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng cục TCĐLCL
1	Đào tạo chuyên gia về năng suất chất lượng (10 khóa x 133 triệu/khóa)	1.330	1.330		266		532		532					
2	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, năng suất chất lượng, đổi mới sáng tạo (15 khóa x 60triệu/khóa)	900	900		300		300		300		0			
IV. Tư vấn, hỗ trợ xây dựng mô hình điểm về NSCL		9.611,6	7.099,6	2.512	1.667,6	314	1.852	628	1.790	785	1.790	785		
1	Hoạt động khảo sát, lựa chọn thực hiện mô hình điểm về năng suất chất lượng	91,6	91,6		91,6								Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng cục TCĐLCL và các đơn vị có liên quan
2	Xây dựng và triển khai 04 mô hình điểm về: áp dụng hệ thống, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng (ISO 9001, ISO 14001, ISO 50001, ISO 45001, HACCP, ISO 22000, 5S-Kaizen, KPIs, TPM, Lean, work layout...) (4 doanh nghiệpx395triệu/doanh nghiệp)	1.580	952	628	238	157	238	157	238	157	238	157	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Ban Quản lý các KCN, Tổng cục TCĐLCL và các đơn vị có liên quan

TT	Nội dung	Kinh phí			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Tổng cộng	NSNN	DN	NSNN	DN	NSNN	DN	NSNN	DN	NSNN	DN		
3	Áp dụng điểm công cụ 5S tại 32 cơ sở giáo dục (32 trường x 100 triệu/trường)	3.200	3.200	0	1.100	0	900	0	600	0	600	0	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở GDĐT, UBND các huyện, thành phố, Tổng cục TCĐLCL và các đơn vị có liên quan
4	Áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến tại ít nhất 4 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh (4 đơn vị x 395 triệu/đơn vị)	1.580	952	628*	238	157*	238	157*	238	157*	238	157*	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế, Tổng cục TCĐLCL và các đơn vị có liên quan
5	Áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến trên 70% tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh (8 đơn vị x 395 triệu/đơn vị)	3.160	1.904	1.256*			476	314*	714	471*	714	471*	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập
V. Nâng cao năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật		960	560	400	180	80	140	120	140	120	100	80	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng cục TCĐLCL
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm hàng hóa chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm OCOP của tỉnh.	160	160	0	100		20		20		20			
2	Hướng dẫn, hỗ trợ ít nhất 20 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn kỹ thuật.	800	400	400	80	80	120	120	120	120	80	80		

* Kinh phí hợp pháp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

TT	Nội dung	Kinh phí			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Tổng cộng	NSNN	DN	NSNN	DN	NSNN	DN	NSNN	DN	NSNN	DN		
3	Hỗ trợ hình thành ít nhất 01 đơn vị đánh giá sự phù hợp; tăng cường năng lực thử nghiệm, phân tích, các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, hàng hóa												Có dự án riêng	
VI. Chi phục vụ công tác quản lý		540	540		140		140		140		120		Sở Khoa học và Công nghệ	
1	Chi cho hoạt động tư vấn xác định nhiệm vụ	460	460		120		120		120		100			
2	Văn phòng phẩm	20	20		5	0	5	0	5	0	5			
3	Phô tô tài liệu, tem thư, mực máy in	20	20		5	0	5	0	5	0	5			
4	Công tác phí, tàu xe kiểm tra nhiệm vụ, dự tổng kết chương trình Bộ,...	40	40		10	0	10	0	10	0	10			
	Tổng cộng	14.767,55	11.855,55	2.912	3.509,85	394	3.133	748	3.021	905	2.191,7	865		